

Số: *308*/KH-UBND

Tiền Giang, ngày *11* tháng *10* năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội; bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ, cần được đặt ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển; phát triển kinh tế phải hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế.

b) Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội, trong đó các cấp chính quyền địa phương, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân có vai trò quan trọng; bảo vệ môi trường phải dựa trên sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất giữa các cấp, các ngành, tận dụng cơ hội của quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế.

c) Bảo vệ môi trường phải lấy bảo vệ sức khỏe của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu. Ưu tiên chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, tập trung giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường, kết hợp với bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu.

d) Bảo vệ môi trường phải dựa trên nâng cao chất lượng thể chế và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả; tăng cường trách nhiệm giải trình, tính công khai, minh bạch và sự giám sát của cộng đồng; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đổi mới sáng tạo, ứng dụng các thành quả của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số; thúc đẩy phương thức quản lý tổng hợp, tiếp cận dựa trên hệ sinh thái, liên vùng, liên ngành, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp.

đ) Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững; tăng cường huy động nguồn lực trong xã hội kết hợp với tăng chi ngân sách; áp dụng hiệu quả nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả chi phí xử lý và bồi thường thiệt hại, người hưởng lợi từ các giá trị môi trường phải trả tiền; tiếp tục đẩy mạnh sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng và người dân trong bảo vệ môi trường.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Môi trường của tỉnh có chất lượng tốt, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn của nhân dân; đa dạng sinh học được gìn giữ, bảo tồn, bảo đảm cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội hài hòa với thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp được hình thành và phát triển, hướng tới mục tiêu trung hòa các-bon vào năm 2050.

3. Mục tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của cả nước trên địa bàn tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể

- Các tác động xấu gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, các sự cố môi trường được chủ động phòng ngừa, kiểm soát;

- Các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách cơ bản được giải quyết, chất lượng môi trường từng bước được cải thiện, phục hồi;

- Tăng cường bảo vệ các di sản thiên nhiên, phục hồi các hệ sinh thái; ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học;

- Góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và đẩy mạnh giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Các chỉ tiêu cụ thể và lộ trình thực hiện để giám sát và đánh giá thực hiện Kế hoạch được tổng hợp ở phần Phụ lục I. Tổng hợp các nhiệm vụ, dự án được nêu ở phần Phụ lục II.

II. CÁC NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH

1. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường

a) Phát triển kinh tế theo hướng sinh thái, tuần hoàn, tăng trưởng xanh, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, sử dụng hiệu quả tài nguyên, hướng tới đạt được mục tiêu kép về tăng trưởng kinh tế đồng thời giảm ô nhiễm, suy thoái môi trường.

- Chủ động kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển công nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường. Thực hiện xanh hóa các ngành sản xuất công nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, các khu công nghiệp sinh thái. Khuyến khích sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện với môi trường.

- Thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; tăng cường tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp; sử dụng phân bón theo nhu cầu từng giai đoạn phát triển của cây trồng; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn và hiệu quả; sử dụng phù hợp các loại kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

- Thực hiện đô thị hóa bền vững, phát triển đô thị gắn với phát triển hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường; chú trọng phát triển không gian xanh, công trình xanh, đô thị sinh thái, đô thị thông minh, chống chịu với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; kiểm soát ô nhiễm, phát triển các mô hình khu dân cư, tuyến đường... kiểu mẫu, xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp; duy trì và nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

- Lồng ghép, thực hiện các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện phân vùng môi trường, nâng cao hiệu quả đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, quản lý dựa trên giấy phép môi trường

- Thực hiện phân vùng môi trường với định hướng các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội phù hợp; thiết lập các cơ chế kiểm soát, ngăn chặn các hoạt động phát triển gây hại đến môi trường trong từng vùng, đặc biệt chú trọng đến các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải theo quy định của pháp luật.

- Tham gia rà soát, hoàn thiện các quy định, tiếp tục nâng cao hiệu quả của công tác đánh giá môi trường chiến lược để hạn chế tối đa những định hướng phát triển gây hại đến môi trường trong các chiến lược, quy hoạch.

- Phân luồng các dự án đầu tư mới theo mức độ tác động đến môi trường ngay từ khi phê duyệt chủ trương đầu tư để kiểm soát trong suốt vòng đời hoạt động; đặc biệt chú trọng đối với nhóm dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao.

- Kiểm soát ô nhiễm môi trường từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua giấy phép môi trường dựa trên kết quả đánh giá tác động môi trường, quy hoạch bảo vệ môi trường, khả năng chịu tải môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

c) Chủ động kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; ngăn chặn các tác động xấu đối với môi trường

- Phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo mức độ nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; tập trung kiểm soát nghiêm ngặt đối với nhóm cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có lượng xả thải lớn. Thực hiện lộ trình áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất đối với các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Phối hợp nghiên cứu xây dựng và áp dụng thực hiện theo lộ trình các giải pháp bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường cho khu dân cư đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kho tàng có chứa các chất dễ cháy, nổ, phóng xạ, độc hại, có nguy cơ tác động xấu đến sức khỏe con người, gây ô nhiễm nguồn nước theo các quy định pháp luật.

- Kiểm soát chặt chẽ các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) và các chất nguy hại khó phân hủy (PTS).

- Không để phát sinh các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

d) Chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các vấn đề môi trường mang tính liên vùng.

- Lập và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường các cấp và tại các cơ sở có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; chú trọng tổ chức huấn luyện, diễn tập ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện phương châm 4 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ), thống nhất, phối hợp chặt chẽ, công khai thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng trong ứng phó sự cố môi trường.

- Tích cực chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường biển, sự cố hóa chất độc, sự cố tràn dầu trên biển, trên sông; tăng cường quản lý an toàn hóa chất, phóng xạ.

- Tăng cường các biện pháp ngăn chặn việc nhập khẩu chất thải trái phép dưới hình thức phế liệu, nhập khẩu các công nghệ cũ, lạc hậu, tiêu hao nhiều nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, gây ô nhiễm môi trường.

- Quan trắc, theo dõi, chủ động phòng ngừa, ứng phó các sự cố ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước biển, sông liên tỉnh, các sự cố về an toàn bức xạ và các dịch bệnh liên quan đến môi trường từ các tỉnh khác.

2. Giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng và vệ sinh môi trường

a) Tăng cường kiểm soát ô nhiễm, duy trì và cải thiện chất lượng môi trường không khí ở các đô thị

- Lập và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh, đặc biệt chú trọng các điểm nóng về ô nhiễm môi trường không khí.

- Đầu tư hệ thống trạm quan trắc không khí tự động ở các đô thị lớn; thường xuyên cảnh báo, công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí theo quy định.

- Nghiên cứu xây dựng hệ thống giao thông công cộng, vận tải hành khách khối lượng lớn, hạn chế sự gia tăng phương tiện giao thông cá nhân ở các đô thị. Tăng cường phương tiện sử dụng nhiên liệu tái tạo thân thiện với môi trường; đồng thời cải thiện chất lượng dịch vụ các phương tiện vận chuyển công cộng. Tăng cường xây dựng, mở rộng diện tích công viên, cây xanh, giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn trong các đô thị và khu dân cư.

- Thực hiện các giải pháp tăng cường kiểm soát khí thải đối với xe cơ giới theo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo quy định.

- Thúc đẩy sử dụng các phương tiện giao thông phi cơ giới, thân thiện với môi trường (xe đạp, xe điện, xe sử dụng nhiên liệu sạch, năng lượng tái tạo); thực hiện lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường theo quy định pháp luật.

- Kiểm soát, ngăn chặn ô nhiễm bụi từ các công trình xây dựng đô thị; kiểm soát việc đốt phụ phẩm cây trồng ngoài đồng ruộng ở các vùng ven đô.

- Thực hiện lộ trình, tiến tới loại bỏ nhiên liệu gây ô nhiễm môi trường trong sinh hoạt ở các đô thị, áp dụng các quy định, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường không khí trong nhà theo quy định pháp luật.

- Tăng cường kiểm soát các cơ sở công nghiệp có nguồn khí thải lớn; khuyến khích áp dụng công nghệ sạch, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguyên, nhiên liệu và năng lượng.

b) Tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Thúc đẩy phát triển và ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong suốt vòng đời sản phẩm từ thiết kế, sản xuất, phân phối, tiêu dùng đến quản lý chất thải trong suốt vòng đời dự án.

- Tập trung đầu tư cho quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở các đô thị, đặc biệt là việc đầu tư khu xử lý chất thải rắn tập trung theo quy hoạch. Đẩy mạnh áp dụng các công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, đồng xử lý, xử lý kết hợp với thu hồi năng lượng; thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường cho hoạt động chôn lấp chất thải, từng bước hạn chế chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt. Triển khai thực hiện đồng bộ việc phân loại tại nguồn và thu phí theo lượng chất thải rắn phát sinh để thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế.

- Tăng cường giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn. Tăng cường đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị thu gom và hệ thống trạm trung chuyển ở các đô thị, mở rộng mạng lưới dịch vụ thu gom chất thải rắn ở khu vực nông thôn.

- Tổ chức thực hiện hiệu lực, hiệu quả các quy định về trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu trong thu hồi, tái chế sản phẩm, bao bì thải bỏ.

- Thực hiện điều tra tổng thể về hiện trạng công tác quản lý, xử lý chất thải rắn trên địa bàn để làm cơ sở hoạch định cho công tác quản lý.

- Tăng cường giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, thu gom và xử lý chất thải nhựa. Từ sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn,

khu du lịch, đối với các cơ sở y tế cần có lộ trình giảm thiểu; việc dừng sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa được thực hiện theo quy định pháp luật; thúc đẩy phát triển các sản phẩm, vật liệu thân thiện với môi trường để thay thế. Triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam theo Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng, các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng quy định về môi trường và yêu cầu kỹ thuật; giảm tổn thất sau thu hoạch trong nông nghiệp, giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải thực phẩm.

- Tiếp tục đẩy mạnh quản lý chất thải nguy hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và y tế; ngăn ngừa hiệu quả tình trạng đổ chất thải nguy hại trái phép. Từng bước thực hiện phân loại, thu gom và xử lý chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt; chú trọng quản lý gắn với xử lý chất thải điện tử.

c) Tăng cường xử lý nước thải, đẩy mạnh kiểm soát, quản lý, bảo vệ môi trường nước và các lưu vực sông

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, kênh, rạch; đặc biệt là các sông, kênh, rạch phục vụ cấp nước sinh hoạt và các sông, kênh, rạch tiếp nhận từ các cơ sở công nghiệp.

- Tiếp tục nghiên cứu mời gọi đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị kết hợp với cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương; dự án xử lý nước thải, khôi phục lại các đoạn sông, kênh, rạch đã bị ô nhiễm.

- Đẩy mạnh xử lý nước thải từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, các làng nghề. Triển khai áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung đối với những khu vực chưa có điều kiện thu gom; thúc đẩy tái sử dụng nước thải, bùn thải theo quy định. Thực hiện xử lý nước thải đạt yêu cầu ở tất cả các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở công nghiệp, các cơ sở y tế.

- Đánh giá khả năng chịu tải, lập phân vùng xả nước thải vào môi trường nước mặt; thực hiện các biện pháp giảm thiểu các nguồn thải gây ô nhiễm, phục hồi môi trường các sông, hồ nhằm góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước.

- Có kế hoạch phối hợp với các địa phương có cùng lưu vực sông, kênh trong quản lý bảo vệ môi trường nước mặt.

- Điều tra, đánh giá tổng thể chất lượng các nguồn nước dưới đất, xác định các khu vực bị ô nhiễm; xây dựng và thực hiện các giải pháp bảo vệ, cải thiện chất lượng nguồn nước dưới đất.

d) Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, bảo vệ môi trường đất

- Lồng ghép bảo vệ môi trường làng nghề vào chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và quy hoạch tỉnh; thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho bảo vệ môi trường làng nghề.

- Lập và thực hiện phương án, tổ chức tự quản và xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường ở các làng nghề. Tăng cường kiểm soát hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong các làng nghề.

- Từng bước thực hiện chuyển đổi các ngành, nghề thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sự cố cháy nổ, có sử dụng dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị lạc hậu; di dời, chuyển đổi ngành nghề các cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển.

- Đẩy mạnh xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường đất ở các khu vực bị ô nhiễm, các bãi chôn lấp chất thải rắn đã đóng cửa hoặc di dời.

- Điều tra, đánh giá, phân loại, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường đất; xây dựng và thực hiện kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi các khu vực bị ô nhiễm môi trường đất.

đ) Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường biển

- Kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm tại các khu vực ven biển; đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, thực hiện thu gom và xử lý chất thải nguy hại, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường tại các huyện ven biển.

- Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm từ các hoạt động vận tải và khai thác thủy sản trên biển; xác định vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển. Xây dựng và thực hiện các đề án bảo vệ, bảo tồn hệ sinh thái biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

e) Tiếp tục cung cấp nước sạch, bảo đảm vệ sinh môi trường và ngăn chặn các yếu tố môi trường có hại cho sức khỏe con người

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh nguồn nước, đặc biệt đối với nguồn nước sinh hoạt; nghiên cứu, kiểm soát, ngăn chặn ô nhiễm nguồn nước từ vi nhựa và vi sinh vật.

- Tiếp tục mở rộng phạm vi dịch vụ cung cấp nước sạch, giảm thiểu thất thoát nước ở khu vực đô thị và nông thôn; tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch đối với các trạm cung cấp nước ở khu vực thành thị và nông thôn đảm bảo đạt theo các Quy chuẩn của Bộ Y tế và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Tăng cường thực hiện các nội dung, giải pháp về vệ sinh môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; tiếp tục xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh, xóa bỏ các hủ tục, khuyến khích thực hiện hỏa táng trong nhân dân.

- Chủ động phòng ngừa, ứng phó, bảo vệ sức khỏe cộng đồng đối với các dịch bệnh do các yếu tố môi trường gây ra. Xác định, cảnh báo và xử lý nguồn phát thải các chất ô nhiễm độc hại đối với sức khỏe con người và môi trường.

3. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thúc đẩy bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên

a) Bảo vệ môi trường khu bảo tồn Sinh Thái Đồng Tháp Mười, các hành lang đa dạng sinh học

- Quản lý hiệu quả khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Nghiên cứu thực hiện cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái đối với các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là rừng trên địa bàn tỉnh.

- Thiết lập và quản lý bền vững các hành lang đa dạng sinh học kết nối các sinh cảnh nơi có các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

b) Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái

- Lồng ghép nội dung bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên vào các chính sách, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển. Đẩy mạnh triển khai các mô hình bảo tồn, sử dụng bền vững các hệ sinh thái; chú trọng bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học đô thị.

Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên, đa dạng sinh học của tỉnh Tiền Giang một cách bền vững trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao nhận thức bảo tồn đa dạng sinh học trong cộng đồng; ưu tiên bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học của 3 vùng sinh thái quan

trọng của tỉnh: vùng sinh thái cửa sông ven biển, vùng sinh thái ngập nước phèn và vùng sinh thái cù lao thuộc tỉnh Tiền Giang.

- Xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch phục hồi, sử dụng bền vững các hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, nhất là rừng ngập mặn.

- Ngăn chặn có hiệu quả nạn khai thác thực vật, động vật hoang dã và phá rừng trái pháp luật. Tăng cường năng lực phòng, chống cháy rừng, giảm số vụ và diện tích rừng bị cháy.

- Đẩy mạnh gắn kết giữa bảo tồn và phát triển, tiếp tục giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng; thúc đẩy quản lý rừng bền vững. Xây dựng cơ chế kết hợp khai thác các giá trị kinh tế của rừng để góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Ngăn chặn sự suy giảm các loài và nguồn gen, bảo đảm an toàn sinh học

- Tiếp tục xây dựng và thực hiện các chương trình bảo tồn loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm, cây trồng vật nuôi được ưu tiên bảo vệ. Phát triển hệ thống cơ sở bảo tồn chuyên chỗ, các trung tâm cứu hộ động vật, vườn động vật, vườn thực vật, vườn cây thuốc.

- Tăng cường ngăn chặn khai thác, săn bắt, đánh bắt, buôn bán trái phép động vật, thực vật hoang dã, quý hiếm; kiểm soát chặt chẽ hoạt động gây nuôi động vật hoang dã. Cập nhật theo định kỳ danh mục các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Đẩy mạnh bảo tồn các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu, có nguy cơ tuyệt chủng. Thúc đẩy tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích; phát triển, thị trường hóa sản phẩm từ các nguồn gen phù hợp với các điều ước quốc tế. Tăng cường đăng ký sở hữu tri thức truyền thống về nguồn gen; xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên di truyền, đa dạng sinh học phát triển hệ thống ngân hàng gen.

- Tăng cường kiểm soát, ngăn chặn sự du nhập, phát triển và giảm thiểu tác động của các loài sinh vật ngoại lai xâm hại. Tiếp tục kiểm soát rủi ro từ sinh vật biến đổi gen, chú trọng việc quản lý nhập khẩu, cấp phép và nhân giống sinh vật biến đổi gen, đặc biệt đối với cây lương thực.

d) Tăng cường bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ và phát triển nguồn vốn tự nhiên

- Thực hiện các giải pháp tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp để bảo vệ, nâng cao độ phì của đất; chú trọng phòng, chống xói mòn, suy thoái đất, xâm nhập mặn, xói lở bờ sông, bờ biển, đặc biệt ở các khu vực ven biển.

- Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên nước liên tỉnh theo lưu vực sông gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái thủy sinh, bảo vệ, khai thác và sử dụng nguồn nước. Thúc đẩy mạnh mẽ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước trong sản xuất, sinh hoạt.

- Kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, sự cố môi trường trong khai thác và chế biến khoáng sản. Thực hiện hiệu lực, hiệu quả quy định về ký quỹ phục hồi môi trường; nghiên cứu tận dụng môi trường phục hồi sau khai thác khoáng sản cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục kiểm soát, ngăn chặn và loại bỏ các hình thức đánh bắt, khai thác thủy sản mang tính hủy diệt. Đẩy mạnh thực hiện đồng quản lý, phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng trọt bền vững.

- Đẩy mạnh đầu tư bảo vệ và phát triển các nguồn vốn tự nhiên. Lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đối với đất rừng, mặt nước, mặt biển.

4. Chủ động bảo vệ môi trường để góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính

a) Tăng cường bảo vệ môi trường để giảm tính dễ bị tổn thương và nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu

- Thực hiện đánh giá mức độ nhạy cảm, tính chống chịu của hệ thống môi trường tự nhiên dưới tác động của biến đổi khí hậu theo hướng dẫn của cơ quan Trung ương; nghiên cứu, dự báo, đánh giá rủi ro biến đổi khí hậu trong đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư khi có hướng dẫn.

- Thực hiện đánh giá tác động, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra đối với môi trường, đa dạng sinh học và hệ sinh thái trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của ngành y tế trước các tác động của biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục thực hiện trồng, khoanh nuôi, tái sinh rừng, nhất là rừng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển; tham gia thực hiện hiệu quả Đề án trồng 1 tỷ cây

xanh giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án về bảo vệ môi trường. Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường chống chịu với các tác động của biến đổi khí hậu.

- Thực hiện Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 22/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

b) Phát triển năng lượng tái tạo, nhiên liệu sạch, tăng cường quản lý tổng hợp chất thải rắn, bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái để giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính

- Thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng nhiên liệu sạch, sử dụng các vật liệu xây không nung, thân thiện với môi trường; kiểm soát các chất làm suy giảm tầng ô-dôn từ các hoạt động sản xuất và tiêu dùng.

- Phát triển và áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, thực hiện quản lý tổng hợp chất thải rắn; thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải, xử lý/tiêu hủy kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải rắn; kiểm soát, giảm thiểu phát thải mê-tan từ các bãi chôn lấp chất thải rắn.

- Thực hiện các mô hình phát triển kinh tế phát thải các-bon thấp, các mô hình sinh kế gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên.

- Tham gia thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; tham gia bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (Chương trình REDD+) đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Đổi mới tư duy của các cấp, các ngành; nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, cộng đồng và người dân

a) Phổ biến, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về quan điểm xem “môi trường là điều kiện, nền tảng, là yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững” theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ

Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Từng bước thay đổi nhận thức, tư duy của các cấp, các ngành về vai trò của bảo vệ môi trường trong hoạch định chính sách phát triển.

b) Quy định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, đặc biệt là chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường; đưa tiêu chí bảo vệ môi trường vào đánh giá kết quả công tác của người đứng đầu. Tổ chức thực hiện đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường các địa phương.

c) Tăng cường giáo dục đạo đức môi trường, tình yêu thiên nhiên, tham gia xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường của con người Việt Nam. Đưa bảo vệ môi trường vào các chương trình giáo dục các cấp và trình độ đào tạo theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương; đẩy mạnh đào tạo các chuyên ngành về môi trường; xây dựng các mô hình tiên tiến, điển hình về bảo vệ môi trường trong các cơ sở giáo dục.

d) Phát huy ý thức tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội về môi trường của các doanh nghiệp, gắn với xử lý nghiêm những hành vi cố ý gây nguy hại cho môi trường. Nâng cao nhận thức, hiểu biết về kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các tiêu chuẩn, cam kết tự nguyện về môi trường. Nghiên cứu thực hiện đánh giá, xếp hạng hàng năm các doanh nghiệp phát triển bền vững theo quy định pháp luật.

đ) Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông về môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng; tăng cường và phát huy thế mạnh của các công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội, diễn đàn trực tuyến... Nâng cao nhận thức, biến ý thức thành hành động về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư. Hình thành và phát triển lối sống xanh, chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt trong quản lý chất thải và vệ sinh môi trường.

e) Phát hiện, nêu gương, khen thưởng kịp thời, tạo dựng các phong trào, nhân rộng các điển hình, mô hình tốt về bảo vệ môi trường; tiếp tục giới thiệu các tổ chức, cá nhân tiêu biểu trong công tác bảo vệ môi trường để xét và trao tặng Giải thưởng Môi trường Việt Nam theo định kỳ.

g) Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, quyền trẻ em trong lĩnh vực môi trường; tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong bảo vệ môi trường.

2. Hoàn thiện tổ chức bộ máy, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong bảo vệ môi trường

a) Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống cơ quan quản lý môi trường các cấp bảo đảm tính thống nhất, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

b) Đẩy mạnh phân cấp, tăng trách nhiệm của chính quyền cấp huyện, cấp xã về bảo vệ môi trường, đồng thời tăng cường năng lực cho các cấp chính quyền tỉnh, huyện, xã, tăng cường liên kết giữa các vùng và địa phương trong bảo vệ môi trường.

c) Đẩy mạnh cải cách hành chính về môi trường. Từng bước chuyển đổi phương thức quản lý theo hướng giảm “tiền kiểm”, tăng “hậu kiểm” theo quy định pháp luật, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp.

3. Tăng cường thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, áp dụng cơ chế thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm. Đẩy mạnh phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan thanh tra và lực lượng cảnh sát môi trường.

b) Tăng cường cung cấp, công khai, minh bạch thông tin trong quản lý môi trường đến cộng đồng, đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình của cán bộ quản lý môi trường các cấp.

c) Tăng cường sự giám sát của cộng đồng, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức, cá nhân và các cơ quan truyền thông đối với bảo vệ môi trường; phát triển và ứng dụng các nền tảng số, mạng xã hội, các đường dây nóng... để đẩy mạnh giám sát về môi trường.

d) Xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường, cơ chế xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường.

đ) Tăng cường năng lực quản trị môi trường trong các doanh nghiệp và các khu, cụm công nghiệp.

4. Huy động đầu tư từ xã hội, tăng dần chi ngân sách, nâng cao tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực về bảo vệ môi trường

a) Triển khai mạnh mẽ các hình thức đối tác công tư (PPP), đẩy mạnh sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân trong bảo vệ môi trường.

b) Tăng chi từ ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường, bảo đảm tăng dần theo tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh; ưu tiên cho tăng cường năng lực quản lý, giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách.

c) Từng bước hình thành và phát triển thị trường vốn cho bảo vệ môi trường. Phát huy vai trò của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh, khuyến khích thành lập các quỹ tư nhân tài trợ cho các sáng kiến bảo vệ môi trường của cộng đồng.

d) Chú trọng phát triển năng lực cung ứng dịch vụ môi trường, đặc biệt là tái chế, xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường.

đ) Tích cực, chủ động đề xuất các dự án về bảo vệ môi trường để thu hút nguồn lực đầu tư từ các quỹ tài chính, các tổ chức quốc tế, các nước trên thế giới.

5. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới quan trắc và cơ sở dữ liệu về môi trường

a) Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; cải tiến, chuyển đổi công nghệ, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất, công nghệ cao trong các ngành, lĩnh vực.

b) Ứng dụng có hiệu quả các thành tựu của khoa học công nghệ, cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ thông tin, viễn thám và các công nghệ hiện đại trong quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát, quan trắc và cảnh báo về môi trường; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính về môi trường.

c) Phát triển hạ tầng kỹ thuật về thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường.

d) Phát triển mạng lưới quan trắc môi trường của địa phương, doanh nghiệp theo hướng hiện đại và đồng bộ. Thực hiện các chương trình quan trắc chất lượng môi trường và đa dạng sinh học, chú trọng ở các khu vực tập trung nhiều nguồn thải, các khu vực nhạy cảm về môi trường.

đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường thống nhất, đồng bộ, cập nhật, chia sẻ và được kết nối liên thông; bảo đảm thông tin môi trường được cung cấp kịp thời. Từng bước chuyển đổi, số hóa cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường.

e) Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo vệ môi trường; đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực cho các cơ sở đào tạo về môi trường.

6. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường trong bối cảnh hội nhập sâu rộng của nền kinh tế

a) Tăng cường hợp tác song phương, đa phương; thúc đẩy thực hiện các thỏa thuận hợp tác, các dự án quốc tế về bảo vệ môi trường.

b) Tận dụng các cơ hội của quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, thực hiện các cam kết trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) để thúc đẩy bảo vệ môi trường. Áp dụng các rào cản kỹ thuật để ngăn ngừa các tác động tiêu cực về môi trường từ quá trình hội nhập.

c) Chú trọng hợp tác với các đại phương của các quốc gia láng giềng và trong khu vực về các vấn đề môi trường xuyên biên giới như bảo vệ môi trường nước, môi trường biển, môi trường không khí, quản lý chất thải nhựa đại dương, an toàn phóng xạ, kiểm soát săn bắt, buôn bán động thực vật hoang dã trái phép và sinh vật ngoại lai xâm hại.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm thực hiện

a) Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công và thị xã Cai Lậy trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch. Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối thống nhất tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm chủ trì, đôn đốc các sở, ngành, địa phương thực hiện để đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch. Chủ trì tham mưu thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu về: tỷ lệ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; tỷ lệ diện tích các khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng được xử lý, cải tạo và phục hồi.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thực hiện lồng ghép các nội dung về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu vào trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tỉnh; thực hiện nội dung về phân vùng môi trường trong quy hoạch tỉnh theo quy định; phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức xúc tiến, mời gọi đầu tư theo đúng quy định.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: xây dựng kế hoạch tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động nông nghiệp và hoạt động của các làng nghề, đặc biệt gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, tuần hoàn, tăng trưởng xanh; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn thu gom bao bì thuốc và hóa chất bảo vệ thực vật trong trồng trọt và chăn nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chất thải trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, hóa chất bảo vệ thực vật nhập lậu, hết hạn sử dụng; hướng dẫn xây dựng các hương ước, quy ước gắn với bảo vệ môi trường tại các tổ, thôn, xóm có làng nghề; phát triển khu bảo tồn hiện có của tỉnh và quy hoạch các khu bảo tồn thủy sản, giống cây ăn quả; bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái để giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính; trồng và bảo tồn rừng phòng hộ; ngăn chặn sự suy giảm các loài và nguồn gen, bảo đảm an toàn sinh học; quản lý chặt chẽ và hướng dẫn các biện pháp kiểm soát, diệt trừ các loài ngoại lai xâm hại trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; bảo vệ và phát triển nguồn vốn tự nhiên. Chủ trì tham mưu thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu về: tỷ lệ diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ trên tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn; diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên; tỷ lệ che phủ rừng.

- Sở Công Thương: xây dựng kế hoạch thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững; tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động công nghiệp, đặc biệt là tại các cụm công nghiệp; hạn chế tiến tới không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học tại các trung tâm thương mại, siêu thị; tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo. Chủ trì tham mưu thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu về: tỷ lệ giảm mức tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu so với năm 2020 của các ngành dệt may, thép, nhựa, hóa chất, rượu bia nước giải khát và giấy; tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; tỷ lệ trung tâm thương mại, siêu thị không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học; tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp.

- Sở Xây dựng: lập kế hoạch tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng; kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng tại các khu đô thị mới, các công trình công cộng. Chủ trì tham mưu thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu về: tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

- Sở Giao thông vận tải: xây dựng kế hoạch tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải thủy bộ; nghiên cứu xây dựng hệ thống giao thông công cộng và cải thiện chất lượng dịch vụ các phương tiện vận chuyển công cộng; thực hiện các giải pháp tăng cường kiểm soát khí thải đối với xe cơ giới, đặc biệt là quản lý khí thải phương tiện giao thông tại thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy và các thị trấn tập trung đông dân cư; thúc đẩy sử dụng các phương tiện giao thông phi cơ giới, thân thiện với môi trường; thực hiện lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường theo quy định pháp luật. Chủ trì tham mưu thực hiện đảm bảo chỉ tiêu về tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng ở thành phố Mỹ Tho.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: xây dựng kế hoạch tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch, đặc biệt là việc giảm thiểu tiến tới không sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học tại các khách sạn, khu du lịch. Chủ trì tham mưu thực hiện đảm bảo chỉ tiêu về tỷ lệ khách sạn, khu du lịch không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học.

- Sở Y tế: xây dựng kế hoạch tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế; quản lý chất thải phát sinh từ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh; thống kê nguồn thải, đánh giá mức độ ô nhiễm, xử lý chất thải của các cơ sở y tế. Chủ trì tham mưu thực hiện đảm bảo chỉ tiêu về tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Sở Khoa học và Công nghệ: đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo vệ môi trường; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, cải tiến, chuyển đổi công nghệ, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất, công nghệ cao trong các ngành, lĩnh vực để góp phần bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: tăng cường giáo dục đạo đức môi trường, tình yêu thiên nhiên, tham gia xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường của con người Việt Nam; đưa bảo vệ môi trường vào các chương trình giáo dục các cấp và trình độ đào tạo theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương; đẩy mạnh đào tạo các chuyên ngành về môi trường; xây dựng các mô hình tiên tiến, điển hình về bảo vệ môi trường trong các cơ sở giáo dục; đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực cho các cơ sở đào tạo về môi trường.

- Sở Nội vụ: phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, tham mưu hoàn thiện tổ chức bộ máy, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong bảo vệ môi trường.

- Sở Thông tin và Truyền thông: tiếp tục đẩy mạnh truyền thông về môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng; tăng cường và phát huy thế mạnh của các công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội, diễn đàn trực tuyến.

- Sở Ngoại vụ: tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường hợp tác song phương, đa phương; thúc đẩy thực hiện các thỏa thuận hợp tác, các dự án quốc tế về bảo vệ môi trường; tận dụng các cơ hội của quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, thực hiện các cam kết trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) để thúc đẩy bảo vệ môi trường.

- Công an tỉnh: phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành chức năng có liên quan tăng cường kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường, áp dụng cơ chế thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm; sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ trong công tác phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh: xây dựng kế hoạch tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; đảm bảo thu gom, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp đạt các Quy chuẩn Việt Nam theo quy định. Chủ trì tham mưu thực hiện đảm bảo chỉ tiêu về tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Các sở, ngành tỉnh còn lại và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công và thị xã Cai Lậy căn cứ chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị và địa phương tổ chức lồng ghép nội dung Kế hoạch này vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị và địa phương mình, đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.

b) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp tỉnh thực hiện, đồng thời hướng dẫn các đơn vị trực thuộc cùng tham gia thực hiện tuyên truyền vận động các doanh nghiệp và người dân có trách nhiệm tham gia bảo vệ môi trường; tổ chức phản biện chính sách và giám sát hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và nguồn vốn nước ngoài theo quy định pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đối với những nội dung sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công.

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đối với những nội dung sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp.

3. Giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch

a) Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công và thị xã Cai Lậy có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, tổng hợp việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường trong lĩnh vực, địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý, lồng ghép trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc, tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch; hàng năm xây dựng báo cáo về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất các biện pháp để thực hiện đồng bộ và có hiệu quả, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *Nhđ*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh, các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Ấp Bắc, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyễn *lan*
lob

KT. CHỦ TỊCH *meol*
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

PHỤ LỤC I

Các chỉ tiêu giám sát và đánh giá Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
(Kèm theo Kế hoạch số 308/KH-UBND ngày 11 / 10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì thực hiện	Hiện trạng năm 2020	Lộ trình thực hiện	
				2025	2030
I	Các tác động xấu gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, các sự cố môi trường được chủ động phòng ngừa, kiểm soát				
1.	Tỷ lệ diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ trên tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp (%)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	1,5-2	2,5-3
2.	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (%)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	82,5	100	100
3.	Tỷ lệ giảm mức tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu so với năm 2020 của các ngành dệt may, thép, nhựa, hóa chất, rượu bia nước giải khát và giấy (%)	Sở Công Thương	-	5-8	7-10
4.	Tỷ lệ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	-	100	100
5.	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	100	100	100
II	Các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách cơ bản được giải quyết, chất lượng môi trường từng bước được cải thiện, phục hồi				
6.	Tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng ở thành phố Mỹ Tho (%)	Sở Giao thông vận tải	1,5	3	5

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì thực hiện	Hiện trạng năm 2020	Lộ trình thực hiện	
				2025	2030
7.	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	96,55	98,50	99
8.	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	43,07 (2021)	80	90
9.	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	96,55	30	10
10.	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	100	100	100
11.	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định (%)	Sở Xây dựng	-	>20 đối với các đô thị loại II trở lên và 15% đối với các đô thị từ loại V trở lên	>30 đối với các đô thị loại II trở lên và 20% đối với các đô thị từ loại V trở lên
12.	Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	Sở Công Thương	-	60	100
13.	Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	100	100	100
14.	Tỷ lệ trung tâm thương mại, siêu thị không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học (%)	Sở Công Thương	-	100	100

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì thực hiện	Hiện trạng năm 2020	Lộ trình thực hiện	
				2025	2030
15.	Tỷ lệ khách sạn, khu du lịch không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học (%)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	-	100	100
16.	Tỷ lệ diện tích các khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng được xử lý, cải tạo và phục hồi (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	100	100	100
17.	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%)	Sở Xây dựng	99,5	99,8	100
18.	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn (%)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	65	80
19.	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh (%)	Sở Y tế	90,4	96,0	100
III	Tăng cường bảo vệ các di sản thiên nhiên, phục hồi các hệ sinh thái; ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học				
20.	Diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên (ha)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	106,8	106,8	106,8
IV	Góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và đẩy mạnh giảm nhẹ phát thải khí nhà kính				
21.	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,9	1,4	1,7
22.	Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp (%)	Sở Công Thương	9,51	13-15	15-20

PHỤ LỤC II. TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
1.	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ việc xây dựng và thực hiện các giải pháp giảm thiểu và thích ứng với BĐKH	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ việc xây dựng và thực hiện các giải pháp giảm thiểu và thích ứng với BĐKH	Sở Tài nguyên và Môi trường	2021-2022
2.	Xây dựng thu thập, cập nhật thông tin và duy trì hoạt động hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu (CSDL) về môi trường	Xây dựng khung cấu trúc CSDL môi trường; CSDL môi trường; phần mềm thực hiện quản lý cập nhật khai thác và công bố thông tin môi trường; tích hợp với CSDL môi trường quốc gia; Xây dựng và hoàn thiện các giải pháp kỹ thuật liên quan đến vận hành, cập nhật, khai thác, kết nối và chia sẻ dữ liệu môi trường theo quy định pháp luật; Tổ chức tập huấn về sử dụng, vận hành, khai thác hệ thống thông tin và CSDL môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	2021-2023
3.	Dự án Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	2021 – 2023
4.	Hỗ trợ 10 điểm chợ về trật tự - vệ sinh - môi trường.	Nắm tình hình môi trường tại các chợ; hỗ trợ lắp đặt thêm các trang thiết bị để đáp ứng nhiệm vụ thực hiện tiêu chí về quản lý bảo vệ môi trường chợ nông thôn	Sở Công Thương	2022

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
5.	Nhiệm vụ Điều tra, đánh giá hiện trạng công tác quản lý, xử lý chất thải rắn, đề xuất các giải pháp quản lý và xây dựng các quy định về chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn), gồm các nội dung như chuẩn bị ứng phó sự cố; tổ chức ứng phó sự cố; cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố; cơ chế tài chính và sự tham gia của cộng đồng trong ứng phó sự cố và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022-2023
6.	Nhiệm vụ Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; tăng cường quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	a) Tổ chức điều tra loài ngoại lai xâm hại và loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại trên địa bàn tỉnh; b) Lập Danh mục loài ngoại lai xâm hại và loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại trên địa bàn tỉnh; b) Đánh giá thực trạng loài ngoại lai và loài có nguy cơ xâm hại trên địa bàn tỉnh; c) Đưa ra các đề xuất và giải pháp để kiểm soát sự lây lan và phát triển của loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022-2023
7.	Xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh tại Quyết định số 176/QĐ-UB ngày 29/5/2015 của Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn (theo Khoản 2 Điều 7 Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021)	Điều tra, khảo sát xây dựng bản đồ môi trường nhạy cảm đường bờ; Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu	Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2023

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
8.	Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng không khí trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	a) Đánh giá chất lượng môi trường không khí ở địa phương;b) Đánh giá công tác quản lý chất lượng môi trường không khí; quan trắc môi trường không khí; xác định, và đánh giá các nguồn phát thải khí thải chính; kiểm kê phát thải; mô hình hóa chất lượng môi trường không khí;c) Phân tích, nhận định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí;d) Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến sức khỏe cộng đồng;đ) Mục tiêu và phạm vi quản lý chất lượng môi trường không khí;e) Nhiệm vụ và giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí;g) Tổ chức thực hiện.	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022-2023
9.	Chương trình quan trắc chất lượng môi trường hàng năm của tỉnh Tiền Giang	Quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022-2025
10.	Phối hợp các hội, đoàn thể, các sở ngành liên quan thực hiện hoạt động truyền thông môi trường	Tuyên truyền	Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan	2022-2025
11.	Hỗ trợ và đưa vào vận hành hệ thống quan trắc và phân tích môi trường của Phòng thí nghiệm	Nâng cao năng lực hệ thống quan trắc phân tích môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	2023

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
12.	Xây dựng sổ tay quản lý môi trường cho các doanh nghiệp ngành công nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Đánh giá hiện trạng tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, các giải pháp quản lý môi trường tại các doanh nghiệp và biên soạn sổ tay quản lý môi trường cho các nhóm ngành đặc trưng.	Sở Công Thương	2023
13.	Điều tra, cập nhật, bổ sung, hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu cơ sở gây nuôi động vật hoang dã phục vụ công tác quản lý nhà nước về đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Điều tra, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu cơ sở gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023
14.	Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Quyết định số 09/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ	Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn), gồm các nội dung như chuẩn bị ứng phó sự cố; tổ chức ứng phó sự cố; cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố; cơ chế tài chính và sự tham gia của cộng đồng trong ứng phó sự cố và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường	2023 - 2024
15.	Xây dựng 01 trạm quan trắc không khí tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Lắp đặt 01 trạm quan trắc không khí xung quanh tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (dự kiến 01 trạm tại thành phố Mỹ Tho)	Sở Tài nguyên và Môi trường	2023-2024

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
16.	Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	a) Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt ở địa phương;b) Đánh giá công tác quản lý chất lượng môi trường nước mặt;c) Phân tích, nhận định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước mặt;d) Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm nước mặt đến sức khỏe cộng đồng;đ) Mục tiêu và phạm vi quản lý chất lượng môi trường nước mặt;e) Nhiệm vụ và giải pháp quản lý chất lượng môi trường nước mặt;g) Tổ chức thực hiện.	Sở Tài nguyên và Môi trường	2023-2024
17.	Nhân rộng kết quả xử lý phân gia cầm tươi (phân gà và phân chim cú) thành phân hữu cơ để bón cho cây trồng	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức lớp tập huấn; - Nhân rộng mô hình. 	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023-2024
18.	Tuyên truyền “Chăn nuôi an toàn sinh học và thân thiện với môi trường”	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các lớp tập huấn; - In tờ rơi tuyên truyền 	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023-2024
19.	Xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học và thân thiện với môi trường trên vật nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình; - Tổ chức các lớp tập huấn; - In tờ rơi tuyên truyền. 	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023-2024

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
20.	Đánh giá tiềm năng phát triển nguồn năng lượng tái tạo tỉnh Tiền Giang	Đánh giá tiềm năng phát triển nguồn năng lượng tái tạo tỉnh Tiền Giang tại thời điểm hiện tại, đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm: nguồn năng lượng sinh khối, nguồn năng lượng mặt trời và nguồn điện gió.	Sở Công Thương	2024
21.	Xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh	xây dựng hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	Sở TNMT	2024 - 2025
22.	Xây dựng 02 trạm quan trắc nước mặt tự động liên tục trên sông Tiền trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Lắp đặt 02 trạm quan trắc nước mặt tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (trên sông Tiền)	Sở TNMT	2024-2025
23.	Xây dựng 01 trạm quan trắc không khí tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Lắp đặt 01 trạm quan trắc không khí xung quanh tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (dự kiến 01 trạm tại thị xã Cai Lậy)	Sở TNMT	2025

THÀNH G.